

Bản án số: 179/2021/HC-PT

Ngày: 09-4-2021

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo- Thư ký Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 768/2020/TLPT-HC ngày 15/12/2020 về việc: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 59/2020/HC-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2021/QĐPT-HC ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Vũ Đình Y, sinh năm 1956; Địa chỉ: , tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1977 và bà Vũ Thị Phương T, sinh năm 1982; Cùng địa chỉ: , tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu;

2. Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu

Có văn bản xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Lê Dương B, chuyên viên Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vũng Tàu và bà Nguyễn Thị Hồng, chuyên viên Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vũng Tàu, đều có mặt.

Cùng địa chỉ: số 89 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1970; vắng mặt

2. Ông Vũ Minh H - Sinh năm 1978; vắng mặt

3. Ông Vũ Quang T - Sinh năm 1992; vắng mặt

Cùng địa chỉ: , tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện Ông Vũ Đình Y; người bị kiện Ủy ban nhân thành phố Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

- Nguồn gốc đất: Diện tích đất 3.251,4m² thuộc thửa số 21+22+23+27+32 tờ bản đồ số 89, địa chỉ tại số 227/9 (số cũ 267) đường Lưu Chí Hiếu, Phường 10, TP.Vũng Tàu có nguồn gốc do ông Vũ Đình Y nhận chuyển nhượng của ông Phạm Quang Thông (ông Thông khai phá, sử dụng từ năm 1975 được Ủy ban Nhân dân (UBND) phường Thắng Nhất (cũ) xác nhận ngày 26-8-1977).

Năm 1989, ông Phạm Quang Thông chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho ông Y (bằng giấy viết tay) và ông Y sử dụng liên tục cho đến nay. Tại giấy tờ mua bán đất, cũng như các văn bản xác nhận sau này của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đất gia đình ông Y nhận chuyển nhượng của ông Thông đều ghi tứ cận rõ ràng, trong quá trình sử dụng, ranh giới đất không thay đổi. Ông Y đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước, cũng không bị nhắc nhở hoặc xử lý vi phạm hành chính.

Năm 1991, ông Y đã xây 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 60m² và một chuồng heo diện tích 200m². Diện tích đất còn lại, gia đình ông Y làm vườn, canh tác nông nghiệp, làm nghề mộc và đó là nguồn sống chính của toàn gia đình. Năm 2004, do các con trưởng thành và có nhu cầu ở riêng, ông Y cho các con một phần diện tích đất để xây nhà cụ thể như sau:

- Con lớn Vũ Minh H, sinh năm 1978 xây dựng gia đình nên ông Y cho con xây dựng 01 căn nhà mái tôn diện tích khoảng 50m². Gia đình H sinh sống riêng từ đó đến nay, có tách ra nộp thuế đất riêng.

- Con thứ hai Vũ Quang T, sinh năm 1982 được xây dựng 01 căn nhà mái tôn diện tích khoảng 50m² vừa ở vừa làm xưởng mộc. Phần diện tích này, T cũng tách ra nộp thuế đất riêng.

- Con nhỏ Vũ Tuấn Anh, sinh năm 1991, ông Y cho con cải tạo chuồng heo cũ làm nhà kho để làm mộc và nơi sinh sống.

- Còn toàn bộ diện tích còn lại, ông Y làm vườn, trồng rau.

Do nhà nước thực hiện dự án Khu tái định cư 10ha trong 58ha, Phường 10, thành phố Vũng Tàu nên đã thu hồi diện tích đất trên của gia đình ông Y.

Ngày 11-12-2017 UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định số 6498/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Vũ Đình Y (gọi tắt là *Quyết định số 6498*);

Ông Y không đồng ý với *Quyết định số 6498* vì:

Thứ nhất, về diện tích đất bồi thường và bồi thường tài sản trên đất: Quyết định số 6498/QĐ-UBND chỉ bồi thường 2.214m² (theo số liệu trên giấy tờ) mà không bồi thường theo diện tích thực tế gia đình ông Y đang sử dụng sau khi đo đạc là 3.251,4m² (diện tích chưa bồi thường 3.251,4m² - 2.214m² = 1.037,4m², có bản Trích đo địa chính ngày 10-5-2018) và không bồi thường đối với tài sản trên đất là nhà do con trai ông Y xây dựng (trên diện tích không bồi thường). UBND thành phố đưa ra lý do không bồi thường là đất thuộc nhà nước quản lý do ngành Lâm nghiệp đăng ký sử dụng là không đúng vì ông Y không biết bất kỳ văn bản nào về việc nhà nước giao đất rừng để quản lý. Từ khi mua đất đến nay, ông Y đã sử dụng ổn định, không có thay đổi về ranh giới đất, cũng chưa hề bị phạt hay nhắc nhở về việc sử dụng đất trái phép.

Như vậy, việc UBND thành phố Vũng Tàu không bồi thường đất và tài sản trên đất theo thực tế sử dụng của ông Y là trái với các quy định của pháp luật, làm thiệt hại quyền lợi cho ông Y. Thực tế diện tích mà gia đình ông Y còn được bồi thường bổ sung là 1.037,4m² và tài sản trên diện tích này.

Thứ 2, về vị trí đất bồi thường, UBND thành phố Vũng Tàu xác định đất thu hồi của gia đình ông Y thuộc vị trí 5 đường loại 3, Đường 3/2 với lý do đất không có lối đi là không có cơ sở thực tế. Vì tại bản đồ vẽ khi xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chính UBND thành phố Vũng Tàu đã đo vẽ, xác định lối đi chung của gia đình ông Y. Hơn nữa cùng lối đi đó, gia đình hàng xóm có đất liền kề với gia đình ông Y đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) chứng tỏ lối đi chung đã được xác lập và được nhà nước thừa nhận.

Thứ 3, về đất ở và đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Về tính đất ở: Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông Y xây nhà ở, trực tiếp chăn nuôi, canh tác trên diện tích đất 3.251,4m². Cụ thể, năm 1991, ông Y đã xây 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 60m² và một chuồng heo khoảng 200m². Diện tích đất còn lại, gia đình làm vườn, canh tác nông nghiệp và đó là nguồn sống chính của toàn gia đình. Năm 2004, do các con trưởng thành và có nhu cầu ở riêng, ông Y cho các con một phần diện tích đất để xây nhà.

Tại biên bản đo đạc ranh giới thửa đất ngày 25-4-2001 do UBND thành phố Vũng Tàu lập ghi “Hiện trạng có nhà xây cấp 4 năm 1989”. Tại Biên bản phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do UBND Phường 10 lập ngày 10-8-2017 xác định: “Tại sổ mục kê năm 1993 ông Vũ Đình Y đứng tên đăng ký diện tích 2214m² loại đất “T”, “01 căn nhà cấp 4 do gia đình ông Vũ Đình Y xây dựng năm 1991 để ở cho đến nay”, “Trên nền chuồng heo 200m² xây dựng năm 1991 gia đình ông Vũ Đình Y năm 2000 sửa chữa lại làm nhà kho. Hiện vợ chồng ông Y cho các con làm đồ gỗ”. “Hộ khẩu của ông Y có 05 nhân khẩu trong độ tuổi lao động”.

Căn cứ khoản 4 và khoản 5 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013, điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính Phủ; khoản 4 và khoản 5 Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 29-10-2014 của UBND tỉnh BR-VT quy định về hạn mức đất ở trong trường hợp thửa đất ở có vườn ao thì nhà hộ ông Vũ Đình Y xây dựng năm 1989 (có nhà ở trước ngày 15-10-1993), số nhân khẩu thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chủ sử dụng đất có cùng hộ khẩu thường trú là 4 (gồm vợ và 03 con). Như vậy hộ ông Vũ Đình Y đủ điều kiện để công nhận diện tích đất ở theo điểm a khoản 4 Điều 2 Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 29-10-2014 là 50m²/nhân khẩu, cụ thể: 50m²/khẩu x 5= 250m². Trong đó đã tính 150m² theo Quyết định số 6498, do đó yêu cầu bồi thường bổ sung diện tích đất ở là 100m².

Về đất tái định cư và giao đất ở mới: Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu chỉ cấp cho ông Y 1 suất tái định cư và 01 lô đất ở mới trong khi đó gia đình ông Y gồm vợ chồng ông Y và 3 người con đã thành niên đang cùng sống chung trên thửa

đất này. Các con ông Y cũng đã xây nhà trên diện tích đất ông Y cho con, nộp thuế riêng và sinh sống ổn định nhiều năm nay. Gia đình các con ông Y đủ điều kiện tách hộ theo quy định của Luật hộ tịch. Khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Điều 79 của Luật Đất đai năm 2014; như vậy, khi thu hồi toàn bộ diện tích đất đang sử dụng của gia đình ông Y, ông Y phải được đền bù tương đương với 4 suất tái định cư và cho 02 suất ở mới.

Thứ 4, Về giá đất bồi thường quy định tại Luật Đất đai như sau:

Điều 74. Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất “2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.”. Điều 114. Bảng giá đất và giá đất cụ thể “3. Việc xác định giá đất cụ thể phải dựa trên cơ sở điều tra, thu thập thông tin về thửa đất, giá đất thị trường và thông tin về giá đất trong cơ sở dữ liệu đất đai; áp dụng phương pháp định giá đất phù hợp. Căn cứ kết quả tư vấn xác định giá đất, cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh trình Hội đồng thẩm định giá đất xem xét trước khi trình Ủy ban Nhân dân cùng cấp quyết định.”. Tuy nhiên giá đất thực tế UBND thành phố Vũng Tàu bồi thường cho gia đình ông Y quá thấp so với giá thị trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của gia đình ông Y.

Không đồng ý Quyết định số 6498, ông Y làm đơn khiếu nại và ngày 20-9-2019 ông Y nhận được Quyết định số 6723/QĐ-UBND ngày 10-9-2018 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Vũ Đình Y (gọi là *Quyết định số 6723*), tại Điều 1 Quyết định đã “Bác nội dung khiếu nại của ông Vũ Đình Y về yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông Y theo vị trí 3, Đường 3/2, thành phố Vũng Tàu; Công nhận một phần nội dung khiếu nại của hộ gia đình ông Vũ Đình Y, đề nghị giao thêm 1 lô đất ở mới”.

Ngày 05-12-2018, UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định số 8298 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ, giao đất ở mới bổ sung và đã giao thêm 01 lô đất ở mới cho ông Y (gọi là *Quyết định số 8298*)

Vì những lý do trên, ông Y khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần đối với 03 Quyết định (Quyết định số 6498, Quyết định số 6723, Quyết định số 8298);

- Buộc UBND thành phố Vũng Tàu bồi thường diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông Y theo đúng quy định của pháp luật với nội dung sau:

- + Diện tích đất bồi thường bổ sung là 1.037,4m²

- + Vị trí đất bồi thường là vị trí 3, đường loại 3, Đường 3/2.
- + Bồi thường phần tài sản (nhà, vật kiến trúc) xây dựng trên diện tích đất chưa bồi thường do con trai ông Y là Vũ Quang T xây dựng ($1.037,4\text{m}^2$).
- + Điều chỉnh diện tích đất được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp theo mục G1 Quyết định số 8298/QĐ-UBND (tính bổ sung các khoản hỗ trợ trên diện tích chưa được bồi thường).
- + Đơn giá bồi thường: Theo giá đất cụ thể tại thời điểm chi trả bồi thường.
- + Diện tích đất ở được bồi thường bổ sung: 100m^2 ($50\text{m}^2/\text{khẩu} \times 5 \text{ khẩu} = 250\text{m}^2$; đã bồi thường 150m^2) theo quyết định 51/2014/QĐ - UBND của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về đất ở có vườn ao
- + Cấp cho gia đình ông Y bổ sung 03 lô tái định cư và 01 lô đất ở mới (do có đủ điều kiện tách hộ, đất giải tỏa trắng do gia đình ông Y không còn đất, nhà nào khác).

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người bị kiện trình bày:

- *Hồ sơ nguồn gốc:* Nhà nước quản lý đối với phần diện tích đất $3.251,4\text{m}^2$ (thuộc thửa số 21 + 22 + 23 + 27 + 32 (mới 13 + 14b), tờ bản đồ số 89 (mới 22) địa chính Phường 10, thành phố Vũng Tàu.

Trên cơ sở hồ sơ do UBND Phường 10 cung cấp hồ sơ liên quan đến vụ việc trên. Hồ sơ cung cấp gồm: Bản đồ địa chính Phường 10 tỷ lệ 1/1000 (UBND Phường 10 công nhận ngày 07-12-1993 và UBND thành phố Vũng Tàu duyệt ngày 28-02-1994). Sổ mục kê của UBND Phường 10 (thể hiện tờ bản đồ số 22, diện tích ông Vũ Đình Y đăng ký số thửa 13 diện tích $2.214,0 \text{ m}^2$ đất). Sổ mục kê của UBND Phường 10 (thể hiện tờ bản đồ số 22, tên chủ sử dụng ruộng đất (Lâm nghiệp) đăng ký số thửa 148b diện tích $109.724,0 \text{ m}^2$ đất dương).

- *Ý kiến bổ sung về diện tích đất* $(3.251,40 - 2.214,0) = 1.037,40 \text{ m}^2$ không bồi thường:

Tại sổ mục kê lưu trữ tại UBND Phường 10; phần diện tích đất ông Vũ Đình Y đăng ký sử dụng chỉ có $2.214,0 \text{ m}^2$ đất thuộc thửa số 13, tờ bản đồ số 22. Theo đó, tại Quyết định số 6498, UBND thành phố Vũng Tàu đã bồi thường diện tích đất thu hồi $2.214,0 \text{ m}^2$ đất đúng bằng diện tích đất ông Y đăng ký tại UBND Phường 10 là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật.

Phần diện tích đất còn lại $1.037,40 \text{ m}^2$; theo đó:

- Tại Văn bản số 312/TTr-NV ngày 23-7-2020 và Báo cáo số 317/BC-TTr ngày 05-7-2018 của Thanh tra thành phố Vũng Tàu nêu rõ:

+ Thửa đất đăng ký năm 1993 của ông Vũ Đình Y nay là thửa số 27, diện tích $2.525,3\text{m}^2$ (lớn hơn diện tích đất đăng ký $2.525,3 - 2.214 = 311,3 \text{ m}^2$ thuộc phần

diện tích đất 590,6 m² đất thuộc Nhà nước quản lý do ngành Lâm nghiệp đăng ký sử dụng không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 tại Quyết định thu hồi đất và phê duyệt số 6498/QĐ-UBND ngày 11-12-2017 của UBND thành phố Vũng Tàu);

Phần còn lại chồng lấn lên các thửa đất như sau: Chồng lấn lên thửa đất số 21 diện tích 75,7m²; Chồng lấn lên thửa đất số 22 diện tích 298,2m²; Chồng lấn lên thửa đất số 23 diện tích 173,1m²; Chồng lấn lên thửa đất số 32 diện tích 179,1m².

Như vậy, căn cứ các nội dung trên; việc ông Y yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích đất đo vẽ theo kết quả của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu ngày 10-5-2018 là không có cơ sở xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về bồi thường phần tài sản (nhà vật kiến trúc) xây dựng trên toàn bộ diện tích 3.251,4m².

Nhà và vật kiến trúc ông Vũ Quang T xây dựng tháng 3-2004 trên nền diện tích đất do Nhà nước quản lý (do ngành Lâm nghiệp đăng ký). Căn cứ khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013:

“Điều 92. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất; 2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định pháp luật...”

Do đó, hộ ông Vũ Quang T không đủ điều kiện được hỗ trợ nhà, vật kiến trúc theo quy định.

- Yêu cầu điều chỉnh diện tích đất hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp theo mục G1 Quyết định số 8298 (tính bổ sung các khoản hỗ trợ):

Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 8298, theo đó đã tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm cho ông Y trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập chính từ việc sản xuất đất nông nghiệp đối với phần diện tích 1.983,93m² là đúng theo quy định.

- Đơn giá bồi thường: Theo giá đất cụ thể tại thời điểm chi trả tiền bồi thường: Giá đất tính bồi thường đã được thực hiện khảo sát giá đất theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 và đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 29-10-2016. Ông Y yêu cầu áp dụng đơn giá bồi thường tại thời điểm chi trả bồi thường là không có cơ sở xem xét.

- Về việc xác định vị trí đất để tính bồi thường, hỗ trợ: Liên quan đến nội dung trên; Tại Quyết định số 6498 diện tích đất bồi thường 2.214m² được xác định là vị trí 5, đường loại 3 (Đường 3/2) do thửa đất của ông Y không có lối đi. Theo sơ đồ vị trí thửa đất của ông Y được phòng địa chính thành phố Vũng Tàu đo vẽ, xác nhận ngày 25-8-2004 thì hiện trạng theo sơ đồ thửa đất có lối đi nhờ (khoảng cách từ vị

trí thửa đất ra đến đường đất là 84,04m). Tại Báo cáo số 317/BC-TTr ngày 05-7-2018 của Thanh tra thành phố Vũng Tàu nêu rõ (tại trang 3): “...Thửa đất bị thu hồi của ông Vũ Đình Y trên thực tế có lối đi tự mở rộng trung bình khoảng 2,5m; cách Đường 3/2 khoảng 200m. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ địa chính và hồ sơ thu hồi, bồi thường thì lối đi này thuộc vị trí đất do ngành Lâm nghiệp quản lý. Như vậy, thửa đất của hộ ông Vũ Đình Y theo hồ sơ pháp lý là thửa đất không có lối ra, được xác định là vị trí 5, Đường 3/2 (51C cũ) là đúng theo quy định.”.

- Về yêu cầu bồi thường 250m² đất ở (thay cho nội dung trước đó yêu cầu bồi thường 600m² đất ở):

Ông Y sử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Phạm Quang Thông năm 1989 bằng giấy viết tay; Năm 2004, ông Y làm đơn xin hợp thức hóa quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 2.214m² thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 22 địa chính Phường 10 (có sơ đồ vị trí do phòng Địa chính thành phố Vũng Tàu xác nhận ngày 25-8-2004) được UBND thành phố Vũng Tàu xác nhận năm 2004 (hồ sơ lưu không rõ ngày, tháng).

Căn cứ hồ sơ do ông Y cung cấp và sổ mục kê lưu trữ tại UBND Phường 10, hộ ông Y đăng ký đất 2.214,0m² (sổ được Chủ tịch UBND Phường 10 duyệt ngày 07-12-1993 và Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu duyệt công nhận ngày 28-02-1994) thì giấy tờ về quyền sử dụng đất của ông Y không phải là các loại giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính Phủ.

Tại khoản 5 Điều 2 Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 29-10-2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định: “ Điều 2. Hạn mức đất ở được công nhận trong trường hợp thửa đất có vườn, ao. 5. Đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính Phủ thì diện tích đất ở được xác định theo quy định tại khoản 5 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013;”.

Căn cứ khoản 5 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “ 5. Đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật này mà đất đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì diện tích đất ở được xác định theo mức quy định tại khoản 4 Điều này; trường hợp đất đã sử dụng ổn định kể từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì diện tích đất ở được xác định theo mức đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 143 và khoản 4 Điều 144 của Luật này.”

Căn cứ khoản 4 Điều 144 Luật Đất đai năm 2013. Tại thời điểm thực hiện công tác thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án Khu tái định cư 10 ha trong

58ha (trong đó có hộ ông Vũ Đình Y); quy định hạn mức các loại đất khi giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên địa bàn Tỉnh thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 1, Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 29-10-2014 của UBND Tỉnh là: “b) Đối với khu vực chưa có quy hoạch xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, hạn mức đất ở để thực hiện việc giao đất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân tự làm nhà ở như sau: Các phường thuộc thành phố Vũng Tàu: không quá 150m²/1 hộ gia đình, cá nhân.”

Căn cứ các quy định trên, hộ ông Y đã được UBND thành phố ban hành Quyết định số 6498 (trong đó đã bồi thường 150m² đất ở là đúng theo quy định; Ông Y yêu cầu bồi thường đất ở là 250m² (mỗi khẩu/50m² đất ở) là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

- Nhận xét: Đối với các yêu cầu khởi kiện của ông Y đã được UBND thành phố Vũng Tàu và Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cũng như Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đúng, đủ theo quy định của pháp luật hiện hành. Do đó, đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Vũ Đình Y.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Đỗ Thị T1 trình bày và người đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà T1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình Y, không có ý kiến khác.

Ông Vũ Quang T trình bày: Diện tích đất 3.251,4m², địa chỉ tại số 227/9 (số cũ 267) đường Lưu Chí Hiếu, Phường 10, TP.Vũng Tàu thuộc quyền sử dụng của bố mẹ ông (ông Vũ Đình Y, bà Đỗ Thị T1). Năm 2004, bố mẹ đồng ý cho ông T khoảng 50m² để xây nhà ở, đất này nằm trong thửa đất gia đình ông sử dụng từ trước đến nay, không lấn chiếm hay thay đổi ranh giới sử dụng đất. Trên đất, ông đã xây dựng 01 căn nhà tôn để làm xưởng mộc đồng thời làm nơi ở luôn. Sau khi xây xong, ông T có kê khai và đóng thuế riêng phần đất này và sử dụng liên tục đến nay. Khi xây dựng, ông T không bị cơ quan nhà nước nào nhắc nhở hoặc bị xử phạt. Ông T không đồng ý với nội dung các quyết định số 6498, 6723, 8298 về việc không bồi thường nhà và đất trên diện tích ông T đang sử dụng. Tuy nhiên do đất vẫn đứng tên chủ sử dụng là bố ông T (ông Y), nên ông T không có yêu cầu độc lập gì, ông T đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Y.

Ông Vũ Minh H trình bày: Diện tích đất 3.251,4m², địa chỉ tại số 227/9 (số cũ 267) đường Lưu Chí Hiếu, Phường 10, TP. Vũng Tàu thuộc quyền sử dụng của bố mẹ ông H (ông Vũ Đình Y, bà Đỗ Thị T1). Năm 2004, bố mẹ đồng ý cho ông H khoảng 50m² để xây nhà ở. Hiện đất này nằm trong thửa đất gia đình ông H sử dụng từ trước đến nay, không lấn chiếm hay thay đổi ranh giới sử dụng đất. Trên đất, ông H đã xây dựng 01 căn nhà tôn để làm xưởng mộc đồng thời làm nơi ở luôn. Sau khi xây xong, ông H có kê khai và đóng thuế riêng phần đất này và sử dụng liên tục đến nay. Khi xây dựng, ông H không bị cơ quan nhà nước nào nhắc nhở hoặc bị xử phạt. Ông H không đồng ý với nội dung các quyết định số 6498, 6723, 8298 về việc không bồi thường cho gia đình ông H phần nhà và diện tích đất ông đang sử dụng. Tuy nhiên do đất vẫn đứng tên chủ sử dụng là bố ông H (ông Y) nên ông H không có yêu cầu độc lập gì; ông H đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Y.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 59/2020/HSCT ngày 17/9/2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính;

Áp dụng: Điểm d và g khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Điểm d khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ. Khoản 4 Điều 2 Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 29-10-2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; Điều 5 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31-10-2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình Y: Hủy phần bồi thường diện tích đất ở tại Mục A Điều 1 của Quyết định số 6498/QĐ-UBND ngày 11-12-2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Vũ Đình Y; Buộc Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu bồi thường thêm 100m² đất ở (sau khi đã trừ số tiền đã bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp) và giao thêm 02 lô tái định cư cho hộ ông Vũ Đình Y.

2. Không chấp nhận khởi kiện của ông Vũ Đình Y yêu cầu hủy toàn bộ các quyết định sau: Quyết định số 6498/QĐ-UBND ngày 11-12-2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Vũ Đình Y; Quyết định số 6723/QĐ-UBND ngày 10-9-2018 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Vũ Đình Y; Quyết định số 8298/QĐ-UBND ngày 05-12-2018 của Ủy ban

Nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và giao đất ở mới cho ông (bà) Vũ Đình Y.

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường diện tích đất còn thiếu, bồi thường giá đất cao hơn; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp; bồi thường bổ sung tài sản cho ông Vũ Đình Y.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20-9-2020 người khởi kiện là ông Vũ Đình Y có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình Y, hủy toàn bộ các Quyết định số 6498/QĐ-UND ngày 11/12/2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu; Quyết định số 6723/QĐ-UBND ngày 10-9-2018 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu, Quyết định số 8298/QĐ-UBND ngày 05-12-2018 của Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu. Buộc Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu bồi thường toàn bộ diện tích đất 3.251,4m², theo vị trí 3, đường loại 3, đường 32, bồi thường phần tài sản (nhà, vật kiến trúc) xây dựng trên diện tích đất chưa được bồi thường, bồi thường theo đơn giá đất tại thời điểm chi trả tiền bồi thường.

Ngày 13-10-2020 người bị kiện là Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị Tòa án Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình Y về việc bồi thường 250m² đất ở (tương ứng 50m²/nhân khẩu) và giao thêm 02 lô đất tái định cư.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:* người khởi kiện và người bị kiện đều vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện phát biểu:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ công nhận bồi thường cho hộ gia đình ông Y 150m² đất ở và cấp cho hộ ông Y 02 lô đất tái định cư vì giấy tay mua bán đất giữa ông Y và ông Thông thì không pH là một trong các loại giấy theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tổ tụng Hành chính.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ và thẩm tra tại phiên Toà hôm nay thì Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Y là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà hôm nay không có tình tiết nào mới có thể thay đổi nội dung án sơ thẩm vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và người bị kiện. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện, người bị kiện đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định nên những kháng cáo này được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên toà hôm nay, người khởi kiện và người bị kiện có văn bản xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 225 Luật Tổ tụng Hành chính, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về đối tượng khởi kiện, về thẩm quyền xét xử, về thời hiệu khởi kiện như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng quy định pháp Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 6498/QĐ-UND ngày 11/12/2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu; Quyết định số 6723/QĐ-UBND ngày 10-9-2018 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu, Quyết định số 8298/QĐ-UBND ngày 05-12-2018 của Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu là đúng quy định của pháp luật đất đai.

[4] Xét kháng cáo của ông Vũ Đình Y:

[4.1] Đối với kháng cáo buộc Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu bồi thường toàn bộ diện tích đất 3.251,40m² theo vị trí 3, đường loại 3, đường 3/2, bồi thường về tài sản ngoài diện tích đất 2.214m²: Nguồn gốc diện tích đất này là do ông Phạm Quang Thông khai phá năm 1975 và được UBND phường Thắng Nhất (cũ) xác nhận năm 1977. Đến ngày 21 tháng 3 năm 1989 ông Thông viết giấy tay sang nhượng lại cho ông Vũ Đình Y khoảng 2.200m² và tại sổ mục kê của UBND phường 10 thì ông Y kê khai đăng ký diện tích đất 2.214m², điều này phù hợp với đơn xin hợp thức hóa quyền sử dụng đất ngày 03-4-2001 ông Y xin hợp thức hóa 2.2000m². Diện tích đất thực tế ông Y sử dụng là 2.804,60m², việc ông Y cho rằng ông sử dụng diện tích đất 3.251,40m² là

không có căn cứ vì có sự chồng lấn lên các thửa đất số 21, 22, 23 và 32 nên Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 6498/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 thu hồi diện tích đất 2.804,60m² là có căn cứ. Trong diện tích đất 2.804,60m² đất này thì có 590,60m² thuộc một phần thửa số 148b (diện tích 109.724m²) là đất Lâm nghiệp theo sổ mục kê năm 1993. Do đó, UBND thành phố Vũng Tàu chỉ bồi thường cho ông Y về đất và tài sản trên đất với diện tích 2.214m² mà ông Y đã kê khai đăng ký còn đất và tài sản trên đất nằm ngoài diện tích đất này thì không được bồi thường là đúng quy định tại các Điều 75, 82, 89, 90, 92 Luật Đất đai. Theo sơ đồ vị trí thửa đất của ông Y được Phòng địa chính thành phố Vũng Tàu đo vẽ, xác nhận ngày 25-8-2004 thì thửa đất có lối đi nhờ (khoảng cách từ vị trí thửa đất ra đến đường đất là 84,04m). Tại báo cáo số 317/BC-TTr ngày 05-7-2018 của Thanh tra thành phố Vũng Tàu xác định: Thửa đất bị thu hồi của ông Y trên thực tế có lối đi tự mở rộng trung bình khoảng 2,5m; cách đường 3/2 khoảng 200m nhU kiểm tra hồ sơ địa chính và hồ sơ thu hồi, bồi thường thì lối đi này thuộc đất do ngành lâm nghiệp quản lý. Vì vậy, Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu đã căn cứ vào Mục b.3, Điểm b, khoản 1, Điều 3 và khoản 4, Điều 8 Quy định bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (01/01/2015 - 31/12/2019) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu để xác định diện tích đất thu hồi của ông Y thuộc vị trí 5, Đường 3/2 (51C cũ) là đúng pháp luật.

[4.2] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu bồi thường về đất theo giá đất tại thời điểm chi trả bồi thường: Căn cứ vào khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất “Việc bồi thường được thực hiệnbằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”. Dự án khu tái định cư 10ha trong 58ha tại phường 10, thành phố Vũng Tàu đã được Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu thuê đơn vị tư vấn thực hiện điều tra, khảo sát và thẩm định giá đất trên thị trường để làm cơ sở đề nghị UBND tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể tính bồi thường. Ngày 26-10-2016 UBND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu ban hành Quyết định số 2925/QĐ-UB về việc phê duyệt giá đất tính bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án. Do đó, UBND thành phố Vũng Tàu căn cứ vào giá đất tại quyết định 2925 nêu trên để bồi thường về đất cho ông Y là đúng.

[5] Xét kháng cáo của UBND thành phố Vũng Tàu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình Y về việc bồi thường 250m² đất ở (tương ứng 50m²/nhân khẩu) và giao thêm 02 lô đất tái định cư:

[5.1] Theo biên bản phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được UBND phường 10 lập ngày 10-8-2017 thể hiện: Diện tích đất ông Y đang sử dụng 2.214m² đất thổ cư (T) thuộc thửa số 13, tờ bản đồ số 89 (mới 22) có nguồn gốc là của ông Phạm Quang Thông tự khai phá năm 1975 canh tác và sử dụng đến năm 1989 chuyển nhượng cho ông Vũ Đình Y bằng giấy viết tay. Hiện trạng trên đất có trồng cây và vật kiến trúc như sau:

-01 căn nhà cấp 4 do gia đình ông Vũ Đình Y xây dựng năm 1991 để ở cho đến nay.

-01 căn nhà tôn do ông Vũ Minh H – con ông Y xây dựng tháng 4-2004, với diện tích 50,0m² để ở cho đến năm 2010 thì chuyển lên TP. HCM làm công nhân xí nghiệp may. Căn nhà này ông H cho em, là ông Vũ Quang T làm xưởng mộc.

-Trên nền chuồng heo 200m² xây dựng năm 1991 gia đình ông Vũ Đình Y năm 2000 sửa chữa lại làm nhà kho.

Như vậy nguồn gốc đất nêu trên là của ông Thông khai phá từ năm 1975 đến năm 1989 ông Y mua lại bằng giấy tay và đến năm 2001 ông Y có đơn xin hợp thức hóa diện tích đất 2.214m², UBND phường 10 đã xác nhận ngày 19/4/2001 (BL 175) “thửa đất tọa lạc tại khu phố 8, phường 10, thuộc tờ bản đồ số 22. Nguồn gốc thửa đất này do ông Phạm Quang Thông tự khai phá năm 1975 canh tác đến năm 1989 thì chuyển quyền sử dụng đất cho ông Vũ Đình Y bằng giấy viết tay. Ông Y sử dụng vào mục đích canh tác từ đó đến nay, có đóng thuế sử dụng đất hằng năm, hiện tại không có ai tranh chấp. Nay ông Vũ Đình Y có đơn xin hợp thức hóa quyền sử dụng đất ngày 14-4-2001 nhất trí đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy thu thuế chuyển quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ sang tên và hợp thức hóa quyền sử dụng đất 2.214m² đất nông nghiệp cho ông Vũ Đình Y”.

Căn cứ vào các giấy tờ nêu trên thì đủ cơ sở để kết luận diện tích đất ông Y sử dụng 2.214m² là có giấy tờ theo điểm d khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 “Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận đã sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993”.

Do đó Căn cứ vào khoản 4 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013 và điểm a khoản 4 Điều 4 Quyết định 51/2014/QĐ-UBND ngày 29-10-2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định hạn mức các loại đất khi giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì hộ gia đình ông Y có 05 nhân khẩu nên pH được công nhận diện tích đất ở là 250m². Tại

Quyết định số 6498 của UBND thành phố Vũng Tàu mới bồi thường cho ông Y 150m² đất ở là không đúng mà pH bồi thường thêm 100m² đất ở như án sơ thẩm nhận định là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5.2] Hộ gia đình ông Y có 05 nhân khẩu, 03 người con trai đã trưởng thành và có anh Vũ Văn H, Vũ Tuấn Anh đã lập gia đình và có hộ khẩu, sinh sống trên diện tích đất bị thu hồi. Căn cứ vào Điều 79 Luật đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định “trường hợp trong hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình”. Tại phiên tòa sơ thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện xác định một lô đất tái định cư có diện tích 79,6m². Như vậy, khi UBND thành phố Vũng Tàu thu hồi hết diện tích đất ở của hộ ông Y thì theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 30-10-2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hộ ông Y pH được giao 03 lô tái định cư (gần 240m²). Tại Quyết định số 6498 của UBND thành phố Bà Rịa - Vũng Tàu mới giao cho hộ ông Y 01 lô tái định cư là không đúng pháp luật.

[6] Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Y, không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố Vũng Tàu, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự pH chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định. Ông Vũ Đình Y là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính.

Căn cứ Điều 64, 79, 82, 86, 92 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Đình Y và UBND thành phố Vũng Tàu. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình Y.

1. Hủy phần bồi thường diện tích đất ở tại Mục A Điều 1 của Quyết định số 6498/QĐ-UBND ngày 11-12-2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Vũ Đình Y; Buộc Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu bồi thường thêm 100m² đất ở (sau khi đã trừ đi số tiền đã bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp) và giao thêm 02 lô đất tái định cư cho hộ ông Vũ Đình Y.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Đình Y yêu cầu hủy toàn bộ các Quyết định sau: Quyết định số 6498/QĐ-UBND ngày 11-12-2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Vũ Đình Y; Quyết định số 6723/QĐ-UBND ngày 10-9-2018 của Chủ tịch ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Vũ Đình Y; Quyết định số 8298/QĐ-UBND ngày 05-12-2018 của Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và giao đất ở mới cho ông (bà) Vũ Đình Y.

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường diện tích đất còn thiếu, bồi thường giá đất cao hơn; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp; bồi thường bổ sung tài sản cho ông Vũ Đình Y.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Vũ Đình Y không pH chịu. Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu pH chịu mỗi đương sự 300.000 đồng.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Vũ Đình Y được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm. Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu pH chịu 300.000 đồng, số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà UBND thành phố Vũng Tàu đã nộp tại biên lai số 0007047 ngày 20-10-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu được khấu trừ vào phần án phí pH chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKS nhân dân cấp cao tại Tp.HCM ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thịnh